

ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN VÀ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Tỉ lệ dân số thành thị ở trên thế giới

| Khu vực | Dân số đô thị (triệu người) | | | % dân số đô thị | | |
|--------------------------------|-----------------------------|------|------|-----------------|------|------|
| | 1970 | 1990 | 2025 | 1970 | 1990 | 2025 |
| Toàn thế giới | 1352 | 2282 | 5187 | 37 | 43 | 61 |
| Các nước đang phát triển: | 654 | 1401 | 4011 | 25 | 34 | 57 |
| • Các nước kém phát triển nhất | 38 | 103 | 532 | 13 | 20 | 44 |
| • Các nước khác | 615 | 1298 | 3479 | 26 | 36 | 59 |
| Các nước kinh tế phát triển | 689 | 881 | 1177 | 67 | 73 | 84 |

Bảng tỉ lệ dân số thành thị ở một số nước trên thế giới

Đơn vị %

| Tên nước | Tỉ lệ dân số đô thị |
|----------------------------|---------------------|
| Các Nước Phát Triển | |
| <u>Châu Đại Dương</u> | 72 |
| Nauru | 100 |
| Guan | 93 |
| Oxtraylia | 91 |
| Niudilan | 86 |
| Tan Caledonia | 71 |
| Palau | 70 |
| Xalomom | 16 |
| Lb Micoronexia | 22 |
| Xoana | 22 |
| Tonga | 33 |

| | |
|---------------------------------|----|
| <u>Châu Âu</u> | 74 |
| Anh | 89 |
| Pháp | 76 |
| Áo | 54 |
| Đức | 88 |
| <u>Bắc Âu</u> | 84 |
| Thụy Điển | 86 |
| Na Uy | 78 |
| Phần Lan | 62 |
| <u>Nam Âu</u> | |
| Tây Ban Nha | 76 |
| Bồ Đào Nha | 53 |
| Italia | 90 |
| <u>Đông Âu</u> | |
| Nga | 73 |
| Ucraina | 68 |
| Uzbekixtan | 37 |
| Acmênia | 65 |
| Hurari | 65 |
| Bungari | 70 |
| Rumani | 53 |
| Balan | 62 |
| <u>Bắc Mỹ</u> | |
| Canada | 79 |
| Hoa Kỳ | 79 |
| Các Nước Đang Phát Triển | |
| <u>Châu Mỹ La Tinh</u> | 80 |
| Achentina | 89 |
| Venezuela | 87 |
| Uruguay | 93 |

| | |
|--------------------|----|
| Mehico | 75 |
| Xanluxia | 30 |
| Chilê | 87 |
| Pêru | 73 |
| Braxil | 81 |
| <u>Vùng Caribe</u> | 65 |
| Cuba | 76 |
| <u>Trung Mĩ</u> | 68 |
| Xan Kit Ne Vi | 33 |
| Hai Ti | 36 |
| Grinad | 39 |
| <u>Châu Á</u> | 38 |
| Trung Quốc | 37 |
| Đĩa Loan | 78 |
| Indônedia | 42 |
| Thái Lan | 31 |
| Philippin | 48 |
| Mianma | 29 |
| Malayxia | 62 |
| Việt Nam | 20 |
| Bãngladet | 37 |
| Pakixtan | 34 |
| Apgakixtan | |
| <u>Châu phi</u> | |
| Agiêri | |
| Libi | 86 |
| Ai Cập | 43 |
| Maroc | 57 |
| Xudãng | 36 |
| Nigieria | 44 |
| Ruand | 17 |

| | |
|-------------|----|
| Burkinafaso | 17 |
| Etiopia | 15 |
| Lasotho | 13 |
| Malawi | 14 |
| Uguand | 12 |
| Eritorea | 19 |
| Nigre | 21 |

I. SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NHÓM NƯỚC

Quá trình đô thị hóa có tính chất khác nhau giữa các nước, các vùng kinh tế có trình độ phát triển khác nhau, có chế độ xã hội khác nhau. Chúng ta dễ dàng nhận thấy sự khác biệt về mức độ và tính chất đô thị hóa giữa các nước vì đô thị hóa là quá trình đô thị hóa là quá trình mang tính chất quy luật, các đô thị phát triển phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế- xã hội- văn hóa của đất nước và của từng vùng.

Đô thị hóa phát triển mạnh trên quy mô toàn cầu làm tăng số lượng các đô thị lớn, tăng nhanh dân số đô thị và tỉ lệ thị dân. Hiện nay, xu hướng phát triển của thế giới là biến trái đất thành một hành tinh chủ yếu bao gồm các đô thị (hành tinh bê tông). Đến thế kỉ 21, khi dân số đạt mức ổn định, thì số dân cư nông thôn thật là nông dân sẽ chỉ là một thiểu số ít ỏi. Dân số đô thị thế giới 2005 đạt tới 47% tổng dân số, ước tính đến 2025 là 61%. Sự gia tăng dân số đô thị thế giới hiện nay chủ yếu tập chung ở các nước đang phát triển.

Vào giữa thế kỉ 20 các nước kinh tế phát triển dân số đô thị đã đạt trên 50%, trong khi để đạt tỉ lệ này các nước đang phát triển phải mất 75 năm nữa, tức là vào năm 2025. Các nước chậm phát triển tỉ lệ dân số đô thị thấp đặc biệt là các nước châu phi và châu Á với tỉ lệ dân cư đô thị dưới 30% dân số. trong khi đó tỉ lệ dân cư đô thị ở Mỹ La Tinh cao hơn đạt khoảng 70%.

Bảng1: Dân số đô thị và tỉ lệ % dân số sống ở khu vực đô thị năm 1970, 1990 và 2025

| Khu vực | Dân số đô thị (triệu người) | | | % dân số đô thị | | |
|--------------------------------|-----------------------------|------|------|-----------------|------|------|
| | 1970 | 1990 | 2025 | 1970 | 1990 | 2025 |
| Toàn thế giới | 1352 | 2282 | 5187 | 37 | 43 | 61 |
| Các nước đang phát triển: | 654 | 1401 | 4011 | 25 | 34 | 57 |
| • Các nước kém phát triển nhất | 38 | 103 | 532 | 13 | 20 | 44 |
| • Các nước khác | 615 | 1298 | 3479 | 26 | 36 | 59 |
| Các nước kinh tế phát triển | 689 | 881 | 1177 | 67 | 73 | 84 |

Sự bùng nổ dân cư đô thị trong thế kỉ tới chủ yếu tập trung ở các nước đang phát triển. Trong khi vào những năm 60 hơn một nửa dân số đô thị thế giới tập trung ở các nước kinh tế phát triển. tuy nhiên đến năm 1970 thì dân số đô thị ở các nước phát triển chỉ nhiều hơn ở các nước đang phát triển cỡ 44 triệu người. Nhưng trong thời gian gần đây, sự chênh lệch dân số đô thị ở các nước phát triển và các nước đang phát triển tăng lên nhanh chóng, từ 1975 các cân dân số đô thị giữa hai khu vực đã có sự thay đổi, tỉ lệ dân số đô thị của thế giới sinh sống ở các nước đang phát triển tăng nhanh. Năm 1990 quá nửa dân số đô thị thế giới (61%) tập trung ở các nước đang phát triển.

Theo dự đoán dân số đô thị của liên hợp quốc, dân số đô thị thế giới năm 2025 sẽ tập trung ở các nước đang phát triển gấp 4 lần ở các nước phát triển.

Tốc độ gia tăng dân số đô thị các nước đang phát triển tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn có thể đạt tới con số hơn 4 tỉ người vào năm 2025. trong khi đó dân số đô thị ở các nước kinh tế phát triển tăng lên chậm, chỉ tăng từ 881 triệu 1990 lên 1177 triệu năm 2025.

Tốc độ đô thị hóa ở các nước đang phát triển trong những năm gần đây và trong thời gian tới tỉ lệ thị dân sẽ đạt tới 50% vào năm 2015 và có thể đạt 57% vào năm 2025. Tuy nhiên, trong số đó còn có 47 quốc gia kém phát triển

nhất là những nước ở trong tình trạng kinh tế nghèo nàn, lạc hậu có tốc độ đô thị hóa thấp, năm 1970 tỉ lệ thị dân đạt có 13%, đến năm 1990 là 20% với 103 triệu dân đô thị, tốc độ gia tăng trung bình là 4,95%/ năm

II. Đô thị hóa ở các nước kinh tế phát triển

Mức độ đô thị hóa cao ở tất cả các nước kinh tế phát triển. Các nước: Ôxtrâyliya, Niudilan, tây âu, bắc mỹ có mức độ đô thị hóa cao, tỉ lệ dân số đô thị đạt từ 80% trở lên. Còn khu vực Đông và Nam Âu mức độ đô thị hóa còn thấp, trong đó thấp nhất so với các nước kinh tế phát triển là các nước ĐÔNG ÂU:63% dân số sống ở khu vực đô thị.

Bảng 2: Dân số đô thị ở các nước kinh tế phát triển qua các năm

| Khu vực | Dân số đô thị (triệu người) | | | % dân số đô thị | | |
|-----------------------------|-----------------------------|------|------|-----------------|------|------|
| | 1950 | 1970 | 2025 | 1950 | 1970 | 2025 |
| Các nước kinh tế phát triển | 452 | 698 | 1177 | 54,3 | 67 | 84 |
| • Úc- Niudilân | 7,5 | 13 | 27 | 74,6 | 84 | 90 |
| • Châu Âu | 223,9 | 311 | 458 | 56,2 | 67 | 85 |
| • Nhật Bản | 42 | 74 | 109 | 50,3 | 71 | 86 |
| • Bắc Mỹ | 106,1 | 167 | 307 | 63,9 | 74 | 85 |
| • Liên Xô | 62,4 | 133 | 277 | 41,5 | 57 | ---- |

Cùng với sự khác biệt về trình độ phát triển về kinh tế là sự khác biệt về mức độ đô thị hóa giữa các nước. Ở châu Âu có thể nhận ra sự khác biệt về mức độ đô thị hóa dễ dàng, sự thay đổi mức độ đô thị hóa trung bình đến mức độ đô thị hóa cao, ngay trong cùng quốc gia cũng có sự biến đổi theo từng vùng lãnh thổ.

Trong số các nước châu Âu có 12 nước có tỉ lệ dân số đô thị hơn 75% là các nước kinh tế phát triển. các nước đô thị hóa cao trong số các nước đang phát triển là Bỉ 97%, Lucxambua 91%, Hà Lan 90%, Anh 89%, Đan Mạch 72% và CHLB Đức 88%. Như vậy, các nước đô thị hóa cao là các nước ở ven vành đai biển Bắcgồm 4 nước: Bỉ, Hà Lan, CHLB Đức và Đan Mạch, thêm

vào đó là Anh- đất nước trải dài trên Đại Tây Dương. Trong khi một số nước nhỏ ở châu Âu như: Monaco 100% dân số sống ở đô thị, Malta 91% dân số đô thị, Luxembourg 91%, các nước châu Âu khác: Ai-xơ-len 94% có mức độ đô thị hóa cao cũng như những đảo ở biển Bắc.

23 nước có tỉ lệ dân số đô thị từ 50%- 75% ví dụ: Bồ Đào Nha 54%

3 nước và quần đảo Chê-nê-n có tỉ lệ dân số đô thị dưới 50% như: An-ba-ni 42%, Bosnia Herzegovina 43%, Môn-đô-va 45%, quần đảo Chê-nê-n là 31% là khu vực kinh tế kém phát triển hơn.

Đông Âu là khu vực đô thị hóa kém hơn chỉ đạt gần 68%. CHLB Nga có tỉ lệ dân số đô thị khoảng 73%, những nước này có trình độ đô thị hóa tương tự nhau: CH Séc 77%, Belarut 72%, Bungari 70%, dân số đô thị thấp nhất là 4 nước: Môn-đô-va 54%, Rumania 53%, Xlova-ki-a 53%.

Ở khu vực Nam Âu, có trình độ đô thị hóa khác nhau khá lớn. Một số nước có mức độ đô thị cao như: An-đô-rá 92%, Man-ta 91%, Italia 90%, Tây Ban Nha 76%. Nhưng nhiều nước mức độ đô thị hóa còn thấp: An-ba-ni 42%, Bosnia Herzegovina 43%, Xlo-ven-ni-a 52,5, Bồ Đào Nha 53%.

Ở các nước kinh tế phát triển sự di dân nông thôn và đô thị làm tăng dân số ở khu vực đô thị đã trở thành nét chung nhất ở các nước này trong những năm cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20. Nhưng cuối thế kỉ 20 thì quá trình đô thị hóa đã mang đặc trưng khác biệt giữa các nước này do quá trình đô thị hóa đã vào giai đoạn kết, gắn với quá trình ngoại ô hóa, nên tỉ lệ dân số đô thị ở một số nước không tăng, thậm chí lại giảm so với những năm trước.

Nét đặc trưng của quá trình đô thị hóa này chúng ta có thể nhận thấy ở Hoa Kỳ giữa những năm 70 và sau đó là ở Canada trong những năm của thập niên 80, cũng như ở các nước kinh tế phát triển khác ở châu Âu, Úc, Niudilân, Nhật Bản.

Trong thời kì 70-75 mức độ đô thị hóa của Hoa Kỳ chỉ đạt 1%/ năm còn ở Canada giảm 0,1%/ năm.

ở châu Âu mức độ đô thị hóa chậm lại đặc biệt là một số nước nam Âu và Đông Âu nhưng thời gian đô thị hóa diễn ra chậm hơn 5-10 năm ở các nước Bắc Mỹ. Trong thời gian 5 năm từ 1980-1985 mức độ đô thị hóa chậm lại ở

Nam Âu chỉ đạt 0,8% /năm, ở Đông Âu tăng trưởng còn chậm hơn khoảng 0,16%/năm. Suốt thời kì 1985-1990 Phần Lan và Pháp không tăng suốt thập niên 80 và mức độ đô thị hóa dường như không đổi: Phần Lan 60%, Pháp 73%. Úc trong thời kì 1975- 1980 đô thị hóa không tăng thậm chí còn giảm 0,4%/năm.

Ngoài ra, ở một số nước như Thụy Điển, Hà Lan, Niudilan, Nhật Bản cũng ở trong nhóm nước giảm mức độ đô thị hóa. Theo sự đánh giá đô thị hóa của Liên Hiệp Quốc nếu mức độ gia tăng dân số đô thị nhanh hơn tốc độ gia tăng dân số thì đô thị hóa tích cực trình độ đô thị hóa sẽ tăng và ngược lại mức độ gia tăng dân số đô thị chậm hơn mức tăng tổng dân số thì trình độ đô thị hóa sẽ thấp, quá trình đô thị hóa trở nên tiêu cực.

Vào những năm 1970 dân số đô thị thế giới khoảng 1,4 tỉ so với 3,7 tỉ dân số thế giới, trong đó gần một nửa dân số đô thị thế giới tập trung ở các nước có nền kinh tế phát triển (698 triệu).

Các nước kinh tế phát triển có số dân đô thị nhiều hơn các nước đang phát triển nhưng nó mau chóng bị mất vị trí đó, do sự gia tăng dân số nhanh chóng ở các nước đang phát triển cộng với sự di dân từ nông thôn vào thành thị. Sự gia tăng dân số nhanh với sự di dân theo hướng nông thôn-> đô thị mạnh mẽ ở các nước đang phát triển làm cho cán cân dân số bị lệch do từ năm 1975 và tiếp tục thay đổi trong thời gian sau đó.

Tỉ lệ dân số đô thị thế giới mỗi năm tăng lên so với dân số thế giới, các thành phố ở các nước đang phát triển dân số tăng lên làm giảm bớt số người cư trú ở nông thôn. Trong khi đó ở các nước đang phát triển gắn liền với quá trình di dân ào ạt từ nông thôn lên thành phố không kiểm soát được gây thiếu lao động có kĩ thuật ở nông thôn, gây sức ép về việc làm, cơ sở khoa học kĩ thuật và gây ô nhiễm môi trường, gây trở ngại lớn cho việc phát triển kinh tế xã hội.

Đô thị hóa ở các nước châu đại dương

Số dân đô thị ở châu Đại Dương chiếm 72% như tỉ lệ dân số đô thị lại tập trung cao nhất vào một số nước trong khu vực như: Nauru 100%, Ruam 93%, Úc 91%, Niudilan 86%, Tân calê đonia 71%, Palau 70%, các nước này có tỉ lệ dân số đô thị cao. Ngược lại trên các đảo Melanêsia và Polinêsia có mức đô thị

hóa thấp: Papua Niu ghi ne 13%, quần đảo Xalomon 16%, liên bang Micrônesia 22%, Tây Xoa na 22%, Tonga 33%.

Châu Đại Dương chỉ có Úc là có 5 thành phố với quy mô dân số trên 1 triệu. Thành phố lớn nhất là Xitni- thành phố cảng trung tâm kinh tế văn hóa, thương mại lớn nhất của Úc với dân số là 3,7 triệu dân chiếm 25% số dân đô thị của toàn quốc.

Men buốc là trung tâm văn hóa lớn có 3,1 triệu dân chiếm 21% dân số thành thị của cả nước. Brisbane là cảng biển quan trọng; Perth là cảng biển phía tây, Canberra là thủ đô của Úc nhưng là thành phố có quy mô dân số nhỏ. Các thành phố ở phía Đông Nam và có sự ràng buộc chặt chẽ với chính quốc (Anh). Phần lớn người dân châu Đại Dương là người châu Âu 96% dân số, riêng người Anh và người Ailen chiếm 77% và người dân các nước khác di cư đến châu Đại Dương qua các thời kỳ đặc biệt là “cơ sốt vàng” giữa thế kỷ 19. Cùng với công nghiệp khai thác vàng và khai thác khoáng sản là sự phát triển các ngành công nghiệp điện lực, luyện kim, chế tạo máy phát triển mạnh. Công nghiệp của Úc đứng vị trí thứ 10 trên thế giới làm cho dân số đô thị của nước này tăng lên nhanh chóng.

Đô thị hóa ở Nhật Bản

Là nước có trình độ phát triển cao, đô thị hóa mạnh mẽ, tập trung ở nhiều thành phố lớn bậc nhất thế giới.

Nhật là nước tư bản duy nhất ở châu Á có trình độ phát triển kinh tế phát triển cao. Đô thị hóa ở Nhật diễn ra mạnh mẽ gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, các thành phố mọc lên nhanh chóng, đặc biệt là các thành phố lớn có mật độ dày đặc ở đảo Honxū, trong đó thành phố lớn nhất Nhật Bản đồng thời cũng là thành phố lớn nhất thế giới là Tokiô đã đạt 25 triệu dân năm 1990. Ngay từ năm 1960 Tokyô đã trở thành trung tâm kinh tế của Nhật Bản và của thế giới.

Trước đây, theo dự báo của cơ quan thống kê Nhật Bản về dân số thành phố, thành phố Tokyô đến năm 1990 có 18 triệu dân và đến 200 là 19 triệu dân và 2020 là 28 triệu dân, nhưng thực tế Tokyo đã đạt 29,8 triệu dân ngay từ đầu

năm 1995, đang là thành phố đứng đầu về dân số thế giới và còn giữ vị trí đến năm 2010. Ở Tokyo tập trung 26 % dân số đô thị của Nhật.

Vùng Tokyo kể cả vùng ngoại ô có sức mạnh kinh tế rất lớn, lớn hơn tiềm lực kinh tế của toàn nước Ý hay nước Anh. Vùng Tokyo chiếm 33% GNP của toàn nước thời kì 1987-1988. Osaka là thành phố lớn thứ hai của Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng 25%/ năm trong những năm 1985-1990 ngược lại Tokyo lại có tốc độ phát triển đô thị giảm đi -0,6%.

Đô thị ở các nước châu Âu

Khu vực đô thị hóa lâu dài mức độ đô thị hóa cao nhưng những năm gần đây tốc độ tăng trưởng đô thị hóa chậm, đô thị cổ nhưng ít các đô thị khổng lồ.

Là khu vực thứ hai thế giới về số lượng cư dân đô thị năm 1970 với 311 triệu người. nhưng những năm gần đây dân số đô thị ở châu Âu tăng lên chậm hơn so với các nước châu Á. Cho đến 1990, số dân đô thị của châu Âu chỉ tăng lên 62 triệu dân, dự đoán đến năm 2025 dân số đô thị của châu Âu đạt 458 triệu dân, chỉ tăng khoảng 84 triệu trong vòng 35 năm. Trong khi đó ở các nước châu Á tăng lên 1,7 tỉ dân cũng trong 35 năm.

ở châu Âu không có thành phố nào có dân số trên 10 triệu dân trở lên, số thành phố có từ 5-10 triệu dân: 3 thành phố năm 1950; 4 thành phố năm 1970; 5 thành phố năm 1990 và không tăng lên cho đến năm 2010.

Thành phố 1-5 triệu dân chiếm khoảng 1/5 dân số đô thị. Châu Âu là khu vực có lịch sử đô thị hóa lâu dài, ở châu Âu có nhiều đô thị cổ, mạng lưới đô thị dày đặc, mức đô thị hóa cao với 74% dân số sống ở các thành phố lớn.

Đô thị hóa ở khu vực Tây Âu

Khu vực đô thị hóa cao, đã ở giai đoạn kết.

Là khu vực diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp, công nghiệp hóa cao là điều kiện để tiến hành quá trình đô thị hóa.

Nước Anh: là nước có trình độ đô thị hóa cao, lịch đô thị hóa lâu dài, chiếm 89% dân số đô thị và là một nước duy nhất ở Tây Âu có nhiều thành phố có hơn 1 triệu dân như: Luân Đôn, Birminham, Manchester Và Leed. Trong đó

thủ đô Luân Đôn dân số hơn 7 triệu người. quá trình đô thị hóa ở Anh gắn liền với quá trình phát triển cuộc cách mạng công nghiệp. sự phát triển công nghiệp đã xlam thay đổi nhanh chóng sau sắc kinh tế -xã hội của nước Anh, những nơi đông dân nhất của Anh tập trung vào vùng Tây Bắc nơi xuất hiện hàng loạt các trung tâm công nghiệp mới: Manchester, Birminham, Liperpoon. ở Anh có 60 thành phố hơn 10000 dân và có 25 thành phố 25.000 dân.

Quá trình đô thị hóa ở Anh diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ vào đầu thế kỉ 19 đến đầu thế kỉ 20, hiện nay đô thị hóa ở Anh đã vào giai đoạn kết tỉ lệ dân số đô thị đạt tới 89% dân số cả nước. Xu hướng phát triển ở Anh cũng như ở các nước phát triển là di cư từ thành phố vào nông thôn.

Áo là nước nhỏ ở Tây Âu, có diện tích 838km² với 8,1 triệu dân năm 1995 và hầu như giữ nguyên dân số đến năm 2005 (8,2 triệu dân). Áo là nước có dân số đô thị tập trung và thủ đô Viên với mức cao nhất 1,8 triệu dân. Áo là quốc gia có hơn một nửa dân số sống ở đô thị nhưng là nước có dân số đô thị thấp ở Tây Âu.

Pháp với số dân 58,1 triệu năm 1995; 60,7 triệu năm 2005. pháp có quá trình đô thị hóa lâu dài, tốc độ gia tăng dân số đô thị rất nhanh, giữa thế kỉ 19 có ¼ dân số là sống ở nông thôn. Nhưng đến 1901 có đến 40% dân số sống ở đô thị; 2005 Pháp có 76% dân số đô thị. Trong đó tập trung vào những vùng kinh tế ở phía Đông và phía Bắc có nhiều siêu đô thị sầm uất.

Pari là siêu đô thị lớn nhất nước Pháp với 10 triệu dân chiếm 23% dân số đô thị và chiếm khoảng 17% dân số cả nước.

Macxay có số dân là 798,43 ngàn người, là thành phố lớn thứ hai về dân số.

Đức

Có trình độ đô thị hóa cao, lịch sử đô thị hóa lâu dài với tỉ lệ dân số thành thị là 88% dân số toàn quốc, trong đó có 20% dân số tập trung vào các thành phố lớn trên 100000 dân

Khu vực đô thị hóa lớn nhất là Essen chỉ chiếm 9% dân số đô thị, sau đó là 3 thành phố lớn: Franfuot, Béclin, và Colonho, tổng cộng 3 thành phố này chiếm 14% dân số toàn quốc.

Đô thị hóa khu vực Bắc Âu

Các nước Bắc Âu bao gồm các nước trên bán đảo Xcandinavi: NaUy có diện tích 324219 km², dân số 4,33 triệu dân, tỉ lệ dân số đô thị 84% năm 2005 vẫn chỉ có 5,2 triệu dân ở đô thị.

Các đô thị ở Bắc Âu thường trải dài theo bờ biển và hướng đón ánh nắng mặt trời, các đô thị có số dân không lớn chức năng chính của thành phố là khai thác và chế biến thủy hải sản, chế biến gỗ. Trong khi đó trong nội địa số đô thị rất ít, thì phần lớn các đô thị tập trung ở ven biển.

Thụy Điển: các thành phố lớn đều tập trung ở phía Nam và trung của đất nước: Gotobuoc, Mân, trong số đó có Stóchom là thủ đô- trung tâm văn hóa cổ nhất Bắc Âu với dân số trên 1 triệu người có lịch sử phát triển đô thị lâu đời và là nơi có nhiều lâu đài cổ kính với kiến trúc tráng lệ, có nhiều viện bảo tàng, là nơi du lịch hấp dẫn.

Gotobuoc thành phố ở phía Tây Nam của Thụy Điển, trên sông Gota, thành phố lớn thứ 2 của Thụy Điển- là nơi sản xuất nhiều xe hơi, thuốc là dẹt.

Na Uy là đất nước nằm trong vòng cực bắc nên còn được gọi là “ông vào bắc cực”, với 4,6 triệu dân và 78% dân đô thị năm 2005.

Các thành phố lớn của Na Uy đều là ngư cảng, các thành phố lớn gắn liền với công nghiệp khai thác và chế biến. Thủ đô Oslo- thủ đô đồng thời là thành phố cảng lớn nhất nằm trên sông Anker, nó giữ vai trò thương mại, sản xuất công nghiệp và văn hóa chính của Na Uy. Các sản phẩm chính của thành phố là cá, thiết bị điện tử, hóa chất, hàng dẹt, máy móc, thiết bị, gỗ và kim loại và hoạt động du lịch.

Phần Lan có dân số 5,2 triệu người, dân số đô thị là 62%. Thủ đô của phần Lan là Hecxiki là thành phố khổng lồ trong số các thành phố ở Bắc Âu chiếm 1/3 dân số của Na Uy.

Khu vực Nam Âu

Là khu vực có nhiều thành phố lớn của thế giới. Tuy vậy, Nam Âu là khu vực đô thị hóa kém hơn Tây Âu. Khu vực này có 8 thành phố 1 triệu dân trong đó tập trung chủ yếu ở Italia và còn lại là thủ đô và một vài thành phố của một số

nước khác như: Marit, Barcelona (Tây Ban Nha dân số là 43,5 triệu dân, dân số đô thị là 76%), Lisbon (Bồ Đào Nha có 10,6 triệu dân, 53% dân số đô thị) ở Nam Âu các thành phố như Athens (chiếm 55% dân số đô thị của Hi Lạp), Lisbon (48% dân số đô thị của Bồ Đào Nha) - trung tâm chủ đạo, tập trung chủ yếu dân số đô thị

Italia là nước có tỉ lệ dân số đô thị cao nhất với 90% và là nơi tập trung nhiều thành phố tôn giáo lớn trên thế giới, là trung tâm truyền bá đạo thiên chúa- thủ đô công giáo của thế giới. Italia là nước duy nhất ở Nam Âu có 5 thành phố có trên 1 triệu dân. Milan là trung tâm kinh tế của Italia với 4,64 triệu dân tập trung 13% dân số đô thị. Naples tập trung 9% dân số đô thị của Italia. Rôma là thành phố đứng thứ 3 với 3 triệu dân chiếm 8% dân số đô thị toàn quốc- trung tâm văn hóa, khoa học kỹ thuật cả nước. Thủ đô Rôma là thành phố đẹp nằm ven sông Tiboro có lịch sử phát triển 2500 năm. Nơi đây tập trung nhiều bảo tàng nổi tiếng từ thời cổ xưa nên thu hút nhiều du khách đến đây tham quan và du lịch.

Sau đó là thành phố Turin- đầu mối giao thông vận tải và công nghiệp chính.

Palermo (679290)- đầu mối giao thông vận tải và thương mại; Bologna (379964) –trung tâm vận tải; Florence (374 501)- trung tâm văn hóa thương mại, vận tải và trung tâm công nghiệp.

Nhìn chung đô thị hóa ở Nam Âu chậm hơn ở Tây Âu, điều này gắn liền với sự phát triển kinh tế ở khu vực này so với khu vực Tây Âu. Các đô thị ở Nam Âu gắn liền với các trung tâm văn hóa cổ như Hi Lạp, Lama. Các đô thị nơi đây xây dựng mang nặng màu sắc tôn giáo, tôn giáo gắn liền với đời sống kinh tế, tinh thần của người dân ở đây, giáo hội trở thành bộ máy thống trị của bộ máy nhà nước...

Đô thị hóa ở khu vực Đông Âu

Các thành phố ở Đông Âu bao gồm các thành phố ở các nước: Nga và các nước cộng hòa châu Âu thuộc liên bang Xô Viết trước đây và các đô thị thuộc các nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa trước đây ở Đông Âu, khu vực này hình thành nên một loại đô thị đặc biệt “ thành phố Đông Âu”. Đó là những đô thị mà cùng chung truyền thống và tập quán của những thành phố Tây Âu nhưng

lại khác nhau về nguyên tắc quản lý kế hoạch tập trung mà trong chế độ XHCN đã xác lập để hình thành và kiểm soát các khu định cư mới và cũ. Vì vậy, giới hạn và quy mô của thành phố đã tránh được sự phát triển qua mức của các thành phố và đảm bảo cấu trúc bên trong phát triển hài hòa, những vùng phụ cận được cân bằng.

Cũng như các thành phố ở Tây Âu của các thế hệ trước, thành phố Đông Âu hầu như phụ thuộc vào hệ thống giao thông công cộng, các thành phố có trình độ văn hóa và hành phát triển khá cao. Các không gian dành cho các công viên, nhưng nơi giải trí khá rộng rãi.

Các khu dân cư được tạo thành bởi tập hợp các quận nhỏ của những khu căn hộ cùng loại, nơi sinh sống khoảng 10000-15000 người, được bao quanh bởi các đại lộ và có nhà trẻ ở vị trí trung tâm, cửa hàng các cấp, cửa hàng bách hóa tổng hợp, cửa hàng rau quả, nhà hát, bệnh viện, ...

Lien Ban Nga là nước có mức độ đô thị hóa cao: 73% dân số đô thị, trong đó có 4 thành phố lớn chiếm 15% dân số. Mac co va với 12 triệu dân 1995, là thành phố lớn nhất trong số 13 thành phố triệu dân ở Nga, nhưng ở đây cũng chỉ chiếm 8% dân số toàn quốc. Thành phố Xanhpetecspua là thành phố lớn thứ hai có dân số trên 5 triệu người, chiếm 5% dân số đô thị. Các thành phố ven bờ sông Vonga là trung tâm chính về đóng tàu và ô tô. Những thành phố lớn khác: Omsk trung tâm hóa chất từ dầu mỏ,...

Ucraina: đất nước công nông nghiệp khá phát triển, với 52,3 triệu người 1995, 2004 dân số chỉ còn 47,4 triệu người, mức độ đô thị hóa ở Ucraina phát triển khá mạnh, đạt 68%. Dân cư đô thị phân bố khá đồng đều và hợp lý. Năm thành phố lớn của Ucraina trên 1 triệu dân là: Kiép- thủ đô lớn nhất đất nước với 3 triệu dân với chức năng chính là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa;

Acmenea: 3 triệu dân, 65% dân số đô thị.

Hungari: 10,1 triệu dân 65% dân số đô thị;

Bungari 7,7 triệu dân 70% dân số đô thị.

Rumani 21,6 triệu người 53% dân số đô thị.

Banlan 38,2 triệu dân 62% dân số đô thị.

Đô thị hóa ở khu vực Bắc Mỹ

ở lục địa Bắc Mỹ cả 2 nước Canada và Mỹ đều có mức đô thị hóa cao nhưng không có đô thị lớn đứng đầu thế giới.

Canada: đất nước có tỉ lệ đô thị hóa cao 79% dân số đô thị. Có 4 thành phố lớn trên 1 triệu dân: Tôronto, Montreal, vancouver, Ottawa.

Hoa kì: một siêu cường quốc về kinh tế, có trình độ công nghiệp hóa cao, tỉ lệ dân cư đô thị chiếm tới 79% dân số toàn quốc. các thành phố lớn tập trung thành một dải từ boxtton đến Oasinton, dải đô thị này tập trung đến 45 triệu dân kéo dài trên 750 km, rộng từ 100 đến 200 km. Các thành phố lớn của Hoa kì chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Bắc và khu vực quanh ngũ hồ. Đó cũng là những trung tâm công nghiệp nổi tiếng của Hoa Kì.

III. Đô thị hóa ở các nước đang phát triển

Khái quát về quá trình đô thị ở các nước đang phát triển

Khoảng 1/3 đến 2/3 dân số của phần lớn các đô thị thuộc nhóm nước đang phát triển bị đẩy tới những khu ngoại ô lụp sụp hoặc những nơi những người chiếm đất xây dựng, họ thường bất chấp chính quyền. Các nhóm người không chính thức này thường có ít hoặc không có quyền lợi sử dụng các dịch vụ công cộng như nước, hệ thống cống rãnh và hệ thống thoát nước, vỉa hè và vận chuyển rác.

Khoảng 20% nhà mới ở các thành phố ở nhóm nước đang phát triển là xây dựng theo luật. Số còn lại phát triển không chính thức.

Các đô thị của châu phi, châu á và châu mỹ la tinh chưa hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật: giao thông vận tải điện nước,...vấn đề sử dụng các phương tiện giao thông công cộng hiện đại còn rất hiếm hoi do quá trình công nghiệp hóa chỉ mới phát triển gần đây. Cấu trúc đô thị cũng như văn hóa lối sống của cư dân khác xa với các nước ở Bắc Mỹ.

Có thể nhận thấy một số đặc trưng chung của các nước nhóm phát triển là sự di dân lâu dài từ các vùng nông thôn vào các thành thị làm cho dân số thành thị tăng lên nhanh chóng. Cư dân đông đúc các phương tiện giao thông công cộng

và dịch vụ thì ít dẫn đến đời sống của dân cư ở đây gặp nhiều khó khăn và nhiều tệ nạn xã hội phát sinh.

Một số đô thị còn trong thời kì tiền công nghiệp, chỉ có trung tâm thương mại hay chợ có quy mô trung bình, ở đây không có trung tâm công nghiệp còn giao thông công cộng thì rất hiếm hoi. Một số đô thị khác là sản phẩm của thuộc địa phương Tây, được hình thành từ những cảng hoặc là những tiền của việc điều hành quản lí và khai thác xây dựng của người châu Âu.

Mặt khác một số nước các đô thị lại phát triển quá lớn theo lối tự phát đã dẫn đến hệ thống giao thông luôn quá tải và vấn đề giao thông là vấn nạn khó giải quyết được.

Hơn nữa ở các quốc gia đang phát triển còn nổi bật lên sự tập trung dân số quá mức vào một số đô thị đặc biệt là trong thủ phủ của các khu vực và của quốc gia.

Hiện nay sự bùng nổ dân số đô thị là một hiện tượng phổ biến ở các nước đang phát triển. số dân đô thị ở các nước đang phát triển tăng nhanh, trung bình mỗi năm tăng 3.5-4% tức là chỉ sau 25 năm dân số đô thị của các nước này tăng lên gấp đôi.

ở các nước đang phát triển quá trình đô thị hóa không cùng đi kèm ra với quá trình công nghiệp hóa, mà chủ yếu là do sự di dân từ nông thôn ra thành thị, làm cho tình trạng đô thị hóa trở nên không kiểm soát được, gây khó khăn trở ngại đối với các vấn đề phát triển kinh tế xã hội mà đặc biệt nhất là vấn đề việc làm, nhà ở, phương tiện đi lại, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội.

ở các nước đang phát triển cũng có thể chia thành các khu vực phát triển khác nhau.

Đô thị hóa ở châu Á

Theo ước tính của liên hợp quốc số lượng dân số đô thị của các nước châu Á từ năm 1990 đến 2020 sẽ tăng từ 850 -> 2,25 tỉ. Trung bình hàng năm tăng 47 triệu người. Do đó gây ra những mối nguy hại cho việc phát triển kinh tế, việc xuống cấp môi trường và cơ sở hạ tầng. chính vì vậy cần có những biện pháp quy hoạch thích hợp.

Trung quốc – đất nước rộng lớn với diện tích là 9,6 triệu km², 1,3 tỉ dân, dân số đô thị của Trung Quốc chiếm 37% dân số cả nước. Nhưng trong thời gian gần đây và dự đoán tương lai sắp tới dân số đô thị của Trung Quốc sẽ tăng lên nhanh chóng và có thể đạt đến mức các nước châu Âu hiện nay.

Bắc kinh- thủ đô- trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa, khoa học kỹ thuật, giao thông của nước

Thượng Hải: thành phố lớn thứ 5 thế giới – thành phố đông dân nhất Trung Quốc- một hải cảng lớn – một trung tâm công nghiệp hàng đầu của Trung Quốc. Phần lớn các thành phố của trung quốc đều tập trung ở phía đông và đông bắc nơi kinh tế phát triển sâu uất nhất Trung Quốc.

Đài loan- một con rồng châu Á có nông công nghiệp phát triển, tỉ lệ dân số đô thị là 78%

Indônêxia – cường quốc thứ 4 về dân số với dân số là 221,9 triệu người 2005, có tỉ lệ thị dân là 42% cao hơn mức trung bình của khu vực nhưng lại thấp hơn mức trung bình của thế giới.

Thái Lan: trung tâm giải trí của thế giới các nước Đông Nam Á tỉ lệ dân số đô thị 31% thấp hơn mức trung bình của thế giới tập trung chủ yếu vào thủ đô Băng Kóc.

Philippin: có mức đô thị hóa khá cao đạt tới 48% năm 2005, tập trung chủ yếu ở thủ đô Manila.

Mianma có dân số là 677 nghìn người, tỉ lệ dân cư đô thị là 29%, tập trung chủ yếu ở thủ đô Yangun với 4 triệu dân chiếm 30% dân số đô thị của cả nước.

Malayxia có 26,1 triệu nười tỉ lệ dân số đô thị là 38%

Việt Nam có khoảng 83 triệu người với dân số đô thị chiếm 20%.

Đô thị hóa ở các nước châu Phi

Châu phi có dân số đô thị chiếm 36%. Đây là châu lục có mức độ đô thị hóa thấp nhất và chậm chạp nhất trên thế giới. tuy nhiên, hiện nay tốc độ đô thị hóa lại tăng nhanh hơn, chủ yếu là sự di dân từ nông thôn ra thành phố.

Thực dân châu Âu đã xây dựng những khu trung tâm mới để bóc lột và cai trị các nước châu Phi.

Các nước châu phi tăng dân số đô thị qua nhanh, việc gia tăng dân số đô thị quá nhanh như là một sự bùng nổ phản ánh việc tập trung hóa của chính phủ, của sự giàu có và quyền lực và như thế những gì tốt đẹp nhất của đô thị được xem như biểu tượng của sự phát triển và hiện đại hóa trong nền kinh tế của đất nước họ.

Khu vực đô thị hóa mạnh nhất là khu vực Bắc Phi có tới 47% dân số đô thị, Nam Phi 50%, Tây Phi 40%, Trung Phi 35% dân số đô thị, Đông Phi 24%.

Đô thị hóa ở các nước châu Mỹ La Tinh

Khu vực có mức độ đô thị hóa cao nhất nhóm nước đang phát triển

Quá trình đô thị hóa châu Mỹ LaTinh đang phát triển nhanh chóng, biến các thành phố Mỹ La Tinh thành các thành phố lớn nhất thế giới. các nhà phân tích tiên đoán rằng cho đến năm 2010, 6 trong số 28 thành phố lớn nhất thế giới nằm ở khu vực Mi La Tinh và Rio de Janeiro sẽ hợp nhất với Sao paolô thành một liên hiệp rộng lớn có chiều dài là 350 dặm với 40 triệu dân.

Mê hi cô đất nước đô thị hóa ồ ạt, có thành phố lớn nhất châu Mỹ La Tinh có tỉ lệ dân cư đô thị là 75%

Thành phố Mehicô được xây dựng năm 1235, đến thời kì thực dân Tây Ban Nha thống trị Mê hi cô được chọn làm thủ phủ của liên bang Mêhicô, thành phố nằm trên cao nguyên có độ cao trên 2200m. ngày nay, Mehi cô là thành phố lớn nhất châu Mỹ La Tinh với mức tập trung cao nhất chiếm 73% dân số đô thị của toàn nước năm 1990, 2005 là 75%.

Achentina có tỉ lệ dân số đô thị cao chiếm tới 89% dân số cả nước, thành phố lớn nhất là Buenôt Airt chiếm đến 41% dân số đô thị.

Các nước Chilê 87%, Pêru 73%, Uruguay 93%: có tỉ lệ dân số đô thị cao nhất khu vực này.

Braxil đất nước có nhiều thành phố lớn nhất châu Mỹ La Tinh, là nước đông dân nhất châu MiLa Tinh 179,1 triệu người 2005, tỉ lệ dân số đô thị là 81%.

Các nước vùng Caribe có tỉ lệ dân số đô thị trên 50% vào những năm 60 và hiện nay là 61 %.